

**CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH VÀ THÍ NGHIỆM ĐIỆN MIỀN NAM**

Địa chỉ: 48 Cửu Long, Phường 02, Quận Tân Bình, Thành Phố Hồ Chí Minh.

Điện thoại: 08.67776245 - 0932.369.799

Website: www.etsc.vn; Email: etsc.vn@gmail.com



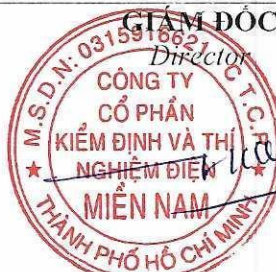
ISO/IEC 17025:2017

Số/ No: 194/2025/TN-ETSC	PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM CERTIFICATE OF TESTING	Ngày/ Date: 12/02/2025 Trang/ Page: 1/3
--------------------------	--	--

1. Khách hàng yêu cầu: Customer:	CÔNG TY TNHH THỨC ĂN CHĂN NUÔI THAGRI LONG AN
2. Địa chỉ thử nghiệm: Place of testing:	Lô P, KCN Nhựt Chánh, Xã Nhựt Chánh, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An, Việt Nam.
3. Đối tượng thử nghiệm: Type of testing:	Tủ hợp bộ RMU Schneider The Schneider RMU cabinet.
4. Số lượng/ Vị trí lắp đặt: Quantity/Installation location:	01 Thiết bị/ Equipment
5. Phương pháp thử nghiệm: Method of testing:	TN/QT-11; IEC 62271-103; TCVN 8096-107:2010; TCVN 8096-200:2010; TCVN 6615-1:2009; TCVN 6615-2-1:2013; TCVN 6615-2-4:2013; TCVN 6615-2-5:2013; QCVN QTD-5:2009/BCT; Theo yêu cầu khách hàng/ Customer requirements
6. Thời gian thực hiện: Inspection Date:	09/02/2025
7. Thông số kỹ thuật: Specification:	Loại/ Type: DE 1 Số quản lý/ Serial no: SB-2017-W15-2-0007 Điện áp định mức/ Rated voltage: 24 kV Dòng định mức/ Rated current: 630 A Dòng cắt định mức/ Rated break down current: 23kA/3s Nhà sản xuất/ Manufacture: SCHNEIDER Năm sản xuất/ Date of manufacture: 2017
8. Phương tiện thử nghiệm: Testing equipment	- Kyoritsu 3125A; DTE-70/50; Fluke 287C; Fluke 355; HLY-200C.
9. Điều kiện môi trường: Environmental conditions:	(32 ± 2) °C ; (60 ± 5) % RH
10. Kết quả thử nghiệm: Testing result:	Xem trang sau See next page
11. Tem thử nghiệm: Testing stamp No:	112/25/ETSC
12. Kết luận Conclusion	Đạt yêu cầu về kỹ thuật tại thời điểm kiểm tra Satisfied technical requirements at the time of examination
13. Thời hạn thử nghiệm lần sau: Next test date	02/2026

Người Thực Hiện
Executor

Nguyễn Hoàng Thiện



Nguyễn Quốc Hoàn



TN/QT-11/M01

Ban hành lần 2



Số/ NO: PH/2025/TN-ETSC	PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM CERTIFICATE OF TESTING	Ngày/ Date: 12/02/2025 Trang/ Page: 2/3
-------------------------	--	--

Nội dung kết quả đo mục 10 trang 1

Content of measured results 10 page 1

10.1 Kiểm tra trực quan / Visual check: Không phát hiện bất thường/ Pass.

Tên chỉ tiêu Content	Mức quy định cho phép The level of provisions allowing	Kết quả kiểm tra Result	Đánh giá Assess
Vệ sinh, quan sát bên ngoài Hygiene, outside observation	Thiết bị còn nguyên vẹn, không bị nứt hay hư hỏng các bộ phận cách điện, dẫn điện	Còn tốt/ Good	Đạt/ Pass
Thao tác chọn các chức năng bằng tay Manually select the functions manually	The equipment remains intact, electrical conductors and insulators are not cracked or damaged.	Thao tác tốt/ Good	Đạt/ Pass

10.2 Đo điện trở cách điện/ Insulation resistance measurement:

Stt No	MC đóng/ MC Close		MC mở/ MC Open		Đánh giá Evaluate
	Đối tượng đo Object measurement	Rcd (MΩ)	Đối tượng đo Object measurement	Rcd (MΩ)	
I	Ngăn Incoming (DS)				
01	Phase A - Vô	> 10.000	Phase A – Phase A	> 10.000	Đạt/ Pass
02	Phase B - Vô	> 10.000	Phase B – Phase B	> 10.000	Đạt/ Pass
03	Phase C - Vô	> 10.000	Phase C – Phase C	> 10.000	Đạt/ Pass
II	Ngăn Outgoing Feeder-MBA1 2500kVA (DS)				
01	Phase A - Vô	> 10.000	Phase A – Phase A	> 10.000	Đạt/ Pass
02	Phase B - Vô	> 10.000	Phase B – Phase B	> 10.000	Đạt/ Pass
03	Phase C - Vô	> 10.000	Phase C – Phase C	> 10.000	Đạt/ Pass
III	Ngăn Outgoing Feeder-MBA2 2500kVA (DS)				
01	Phase A - Vô	> 10.000	Phase A – Phase A	> 10.000	Đạt/ Pass
02	Phase B - Vô	> 10.000	Phase B – Phase B	> 10.000	Đạt/ Pass
03	Phase C - Vô	> 10.000	Phase C – Phase C	> 10.000	Đạt/ Pass
IV	Ngăn Outgoing Feeder-MBA3 400kVA (DS)				
01	Phase A - Vô	> 10.000	Phase A – Phase A	> 10.000	Đạt/ Pass
02	Phase B - Vô	> 10.000	Phase B – Phase B	> 10.000	Đạt/ Pass
03	Phase C - Vô	> 10.000	Phase C – Phase C	> 10.000	Đạt/ Pass

Số/ No: 194/2025/TN-ETSC	PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM CERTIFICATE OF TESTING	Ngày/ Date: 12/02/2025 Trang/ Page: 3/3
--------------------------	--	--

Nội dung kết quả đo mục 10 trang 1

Content of measured results 10 page 1

10.3 Đo điện trở tiếp xúc (R_{tx})/ Contact resistance test

	Đối tượng đo <i>The object of measurement</i>	Kết quả đo <i>Measurement results ($\mu\Omega$)</i>
I	Ngăn Incoming (DS) - Ngăn Outgoing Feeder-MBA1 2500kVA (DS)	
1	Pha A – Pha A	297
2	Pha B – Pha B	280
3	Pha C – Pha C	278
II	Ngăn Incoming (DS) - Ngăn Outgoing Feeder-MBA2 2500kVA (DS)	
1	Pha A – Pha A	301
2	Pha B – Pha B	311
3	Pha C – Pha C	299
III	Ngăn Incoming (DS) - Ngăn Outgoing Feeder-MBA3 400kVA (DS)	
1	Pha A – Pha A	322
2	Pha B – Pha B	312
3	Pha C – Pha C	320

10.4 Thử nghiệm điện áp tăng cao tần số công nghiệp/ High voltage test at 50Hz

Đối tượng đo <i>The object of measurement</i>	Điện áp thử nghiệm <i>The voltage of testing</i>	Thời gian thử nghiệm <i>The time of testing</i>	Kết quả đo <i>Measurement results</i>
I. Ngăn Incoming (DS)			
A – (B + C + Vô)	50 kV	60 s	Chịu được/ Pass
B – (A + C + Vô)	50 kV	60 s	Chịu được/ Pass
C – (B + A + Vô)	50 kV	60 s	Chịu được/ Pass
II. Ngăn Outgoing Feeder-MBA1 2500kVA (DS)			
A – (B + C + Vô)	50 kV	60 s	Chịu được/ Pass
B – (A + C + Vô)	50 kV	60 s	Chịu được/ Pass
C – (B + A + Vô)	50 kV	60 s	Chịu được/ Pass
III. Ngăn Outgoing Feeder-MBA2 2500kVA (DS)			
A – (B + C + Vô)	50 kV	60 s	Chịu được/ Pass
B – (A + C + Vô)	50 kV	60 s	Chịu được/ Pass
C – (B + A + Vô)	50 kV	60 s	Chịu được/ Pass
IV. Ngăn Outgoing Feeder-MBA3 400kVA (DS)			
A – (B + C + Vô)	50 kV	60 s	Chịu được/ Pass
B – (A + C + Vô)	50 kV	60 s	Chịu được/ Pass
C – (B + A + Vô)	50 kV	60 s	Chịu được/ Pass

10.5 Hiển thị khí, đèn/ Display flags, lights:

- Hoạt động bình thường/ Normal activity

10.6 Số lần thao tác tủ/ Number of cabinet operations:

- 5 lần/ 5 times